

Số: 49/KH - ATTP

Vị Thanh, ngày 09 tháng 03 năm 2010

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác hậu kiểm chất lượng
Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2010

Căn cứ vào Kế hoạch số 01/BCĐTU\VSATTP ngày 12/01/2010 của Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP Trung ương về việc triển khai công tác hậu kiểm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2010.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hậu Giang có kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2010 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU:

1. Mục tiêu:

- Đánh giá thực trạng việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, căn tin..... (gọi chung là cơ sở thực phẩm); đánh giá thực trạng về chất lượng VSATTP một số nhóm mặt hàng thực phẩm có nguy cơ cao lưu thông trên thị trường, nhằm phát hiện và cảnh báo các mối nguy ảnh hưởng đến chất lượng VSATTP.

- Thông qua việc hậu kiểm tại các cơ sở thực phẩm và xem xét hồ sơ liên quan (công bố tiêu chuẩn; đăng ký quảng cáo; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP) đánh giá công tác quản lý của các cơ quan quản lý Nhà nước về VSATTP từ tỉnh đến huyện, xã trong việc cấp các loại giấy liên quan đến đảm bảo chất lượng VSATTP.

- Trên cơ sở kết quả hậu kiểm, đề xuất các giải pháp tăng cường công tác quản lý chất lượng VSATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

2. Yêu cầu:

- Kiểm tra toàn diện việc thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo chất lượng VSATTP của các cơ sở thực phẩm và các cơ quan quản lý về chất lượng VSATTP trong ngành y tế từ tỉnh đến huyện, xã.

- Quá trình hậu kiểm có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan từ tỉnh đến huyện, xã, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG:

1. Đối với cơ sở thực phẩm: Tập trung xem xét việc thực hiện các quy định về:

- Công bố tiêu chuẩn sản phẩm;
- Ghi nhãn sản phẩm thực phẩm;

- Quảng cáo sản phẩm thực phẩm;
- Điều kiện VSATTP của cơ sở thực phẩm;
- Chất lượng VSATTP của sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao.

2. Đối với cơ quan quản lý về chất lượng VSATTP: Tập trung xem xét việc:

- Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm và cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm.
- Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký quảng cáo và cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo sản phẩm thực phẩm.
- Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP theo phân cấp quản lý.
- Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm sau công bố đăng ký lưu hành các sản phẩm thực phẩm, xử lý vi phạm về chất lượng VSATTP thuộc phạm vi quản lý.

III. PHÂN BỐ CHỈ TIÊU:

Số mẫu	Chi cục ATVSTP	Tx Vị Thanh	H. Vị Thủy	H. Long Mỹ	H. Phụng Hiệp	Tx Ngã Bảy	H. Châu Thành	H. Châu Thành A	Cộng
Cơ sở KDDV Thức ăn đường phố	20	20	20	20	20	20	20	20	160
Cơ sở SXKD Thực phẩm	134	10	8	10	10	5	5	8	190
Tổng cộng:	154	30	28	30	30	25	25	28	350

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:

1. Đối tượng:

1.1. Đối với cơ sở thực phẩm và sản phẩm thực phẩm: Năm 2010 tiến hành hậu kiểm tất cả các cơ sở thực phẩm, các nhóm sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao, trong đó ưu tiên hậu kiểm các đối tượng sau:

1.1.1. Đối với sản phẩm thực phẩm, ưu tiên hậu kiểm chất lượng VSATTP các nhóm thực phẩm:

- Sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Nước uống đóng chai, nước giải khát, nước khoáng thiên nhiên đóng chai;
- Rượu sản xuất trong nước;
- Thực phẩm chức năng;
- Bánh kẹo....

1.1.2. Đối với cơ sở thực phẩm, ưu tiên hậu kiểm điều kiện VSATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, bếp ăn tập thể, căn tin; cơ sở quảng cáo thực phẩm.

1.2. Đối với cơ quan quản lý:

Đoàn hậu kiểm sẽ kiểm tra, hậu kiểm về công tác quản lý chất lượng VSATTP của Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, Trạm Y tế xã, phường theo phân cấp quản lý.

2. Phương pháp:

2.1. Quy trình chung:

Chi cục ATVSTP tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã chủ trì phối hợp với các ngành chức năng thành lập các Đoàn hậu kiểm, tiến hành kiểm tra trực tiếp tại cơ sở. Trong quá trình kiểm tra, kết hợp nghe báo cáo việc chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo chất lượng VSATTP, thu thập tài liệu liên quan, kiểm tra thực tế cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm, lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu chất lượng VSATTP, lập biên bản kiểm tra, hậu kiểm, đánh giá phân tích hồ sơ, kết quả kiểm nghiệm.

2.2. Hậu kiểm tại cơ sở thực phẩm và sản phẩm thực phẩm:

2.2.1. Đối với việc công bố tiêu chuẩn và ghi nhãn sản phẩm:

- Kiểm tra giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm (Có/Không có giấy chứng nhận; giấy chứng nhận còn hiệu lực hay hết hiệu lực).

- Kiểm tra nội dung ghi nhãn:

Đối chiếu giữa nội dung nhãn sản phẩm đang lưu hành với nhãn sản phẩm hoặc nhãn phụ của sản phẩm bằng tiếng Việt trong hồ sơ công bố tiêu chuẩn. Nội dung cụ thể thực hiện theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP.

Đối với sản phẩm có sử dụng chất phụ gia thực phẩm phải ghi đúng tên nhóm với tên chất phụ gia hoặc với mã số quốc tế của chất phụ gia. Các phụ gia là “hương liệu”, “chất tạo ngọt”, “chất tạo màu” cần ghi thêm “tự nhiên”, “nhân tạo” hay “tổng hợp”.

Đối với thực phẩm chức năng, ngoài các quy định chung về ghi nhãn phải thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2004/TT-BYT hướng dẫn quản lý thực phẩm chức năng.

Đối với sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, việc ghi nhãn không được trái với quy định tại Nghị định số 21/2006/NĐ-CP ngày 27/02/2006 của Chính phủ về việc kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ.

2.2.2. Đối với việc quảng cáo sản phẩm thực phẩm:

- Đối chiếu hồ sơ đăng ký quảng cáo của cơ sở với quy định của Nhà nước về đăng ký quảng cáo thực phẩm.

- Đối chiếu thực tế nội dung, hình thức quảng cáo của các tài liệu, ấn phẩm, băng hình quảng cáo với hồ sơ đăng ký quảng cáo về các nội dung: Tên sản phẩm; Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo, ngày cấp; Hình thức quảng cáo; Nội dung quảng cáo.....

2.2.3. Đối với điều kiện VSATTP của cơ sở thực phẩm:

- Kiểm tra Giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP.

- Kiểm tra điều kiện VSATTP của cơ sở so với các quy định của Bộ Y tế gồm: Điều kiện cơ sở; Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ; Điều kiện về con người.

2.2.4. Kiểm tra chất lượng VSATTP của các sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao, trong đó ưu tiên các nhóm thực phẩm như đã nêu thông qua việc lấy mẫu sản phẩm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, vệ sinh an toàn theo tiêu chuẩn cơ sở ghi trong hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm.

2.3. Hậu kiểm đối với cơ quan quản lý tuyến huyện, xã:

Trên cơ sở xem xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của cơ sở thực phẩm, tiến hành xem xét, đánh giá các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý tuyến huyện, xã.

V. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1. Hình thức tổ chức các đoàn kiểm tra/thăm định, hậu kiểm:

1.1. Tại Tỉnh:

- Chi cục ATVSTP chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các Đoàn kiểm tra/thăm định, hậu kiểm tại các huyện, thị xã.

- Các đơn vị tham gia đoàn có thể bao gồm:

Thanh tra Sở Y tế, Sở Công thương, Chi cục QLTT, Chi cục TCĐLCL, Công An Kinh tế, Chi cục Thú Y.....

1.2. Tại các huyện, thị xã:

Tùy theo tình hình thực tế, thành phần tham gia đoàn kiểm tra/thăm định, hậu kiểm có thể gồm: Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, Phòng Công thương, Công An, QLTT...

2. Thời gian triển khai thực hiện:

Nhằm làm tốt công tác đảm bảo chất lượng VSATTP, từ năm 2010 việc kiểm tra/thăm định, hậu kiểm được triển khai liên tục trong năm, cụ thể như sau:

Phối hợp với hoạt động thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Nguyên đán, Tháng hành động vì chất lượng VSATTP, tết Trung thu. Ngoài các đợt cao điểm còn triển khai thăm định, hậu kiểm định kỳ hàng tháng trong năm 2010.

3. Lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu và đánh giá kết quả: (Theo công văn số 1181/ATTP-TCKN ngày 29/07/2009 của Cục An toàn vệ sinh thực phẩm)

3.1. Tại Tỉnh:

- Lấy mẫu: Chi cục ATVSTP thống nhất với đoàn kiểm tra, hậu kiểm về số lượng, chủng loại mẫu theo chỉ tiêu được giao.

- Kiểm nghiệm mẫu: Thực hiện nhờ sự hỗ trợ của Phòng Xét nghiệm - Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố Cần Thơ hoặc Viện Vệ sinh Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Tại các huyện, thị xã:

- Lấy mẫu: Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu của công tác quản lý tại địa phương. Chi cục ATVSTP sẽ phân bổ chỉ tiêu cụ thể về số lượng mẫu thực phẩm tại các cơ sở thực phẩm do huyện, thị xã quản lý để thực hiện.

69

- Kiểm nghiệm mẫu: Trung tâm Y tế các huyện, thị xã tổ chức lấy mẫu thực phẩm theo thời gian, số lượng, đúng kỹ thuật như hướng dẫn và gửi mẫu thực phẩm về Chi cục ATVSTP tỉnh (khi lấy mẫu cần liên hệ với Chi cục ATVSTP để được nhận mẫu và đảm bảo thời gian gửi mẫu sớm nhất).

3.3. Hướng dẫn chỉ tiêu kiểm nghiệm trọng điểm và đánh giá kết quả:

- Chỉ tiêu kiểm nghiệm trọng điểm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2000/TT-BYT ngày 21/01/2000 hướng dẫn thực hiện công bố, kiểm tra, đăng ký chất lượng VSATTP và căn cứ hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm.

- Đánh giá kết quả: Kết quả kiểm nghiệm mẫu được đánh giá theo tiêu chuẩn cơ sở trong hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm. Trường hợp tiêu chuẩn cơ sở không phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và các quy định hiện hành về giới hạn VSATTP, thì phải căn cứ tiêu chuẩn quốc gia và các quy định hiện hành về giới hạn VSATTP để đánh giá, đồng thời phải xem xét lại hồ sơ công bố tiêu chuẩn.

4. Báo cáo kết quả:

Báo cáo kết quả hậu kiểm (Theo biểu mẫu qui định đính kèm) trong các đợt tết Nguyên đán, Tháng hành động, tết Trung thu, định kỳ hàng tháng. Các huyện, thị xã báo cáo kết quả hậu kiểm về Chi cục ATVSTP trước ngày 15 hàng tháng, để Chi cục tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Cục ATVSTP - Bộ Y tế chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng, đồng thời rút kinh nghiệm cho việc triển khai công tác hậu kiểm sắp tới.

VI. KINH PHÍ:

Kinh phí bảo đảm cho công tác hậu kiểm năm 2010 lấy từ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia VSATTP năm 2010 do Trung ương cấp ủy quyền cho tỉnh năm 2010 và theo hướng dẫn qui định của Tài chính.

- Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của đoàn hậu kiểm lấy từ kinh phí dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP.

- Kinh phí phục vụ cho việc mua mẫu và kiểm nghiệm mẫu lấy từ kinh phí dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng VSATTP, xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm.

Nhận được kế hoạch này đề nghị Trung tâm Y tế các huyện, thị xã có kế hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn, vướng mắc báo cáo về Chi cục ATVSTP tỉnh để có hướng khắc phục kịp thời./.

Nơi nhận:

- Cục ATVSTP - BYT;
- Viện VS YTCC TP HCM;
- Thành viên BCD liên ngành VSATTP tỉnh;
- Trưởng BCD liên ngành VSATTP các huyện, thị xã;
- Phòng Nghiệp vụ Y, Phòng Thanh tra - SYT;
- Trung tâm TTGDSK, TT YTDP tỉnh;
- Phòng Y tế - Trung tâm YT các huyện, thị xã;
- Lưu VT.



SỞ Y TẾ HẬU GIANG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-ATTP

Vị Thanh, ngày tháng năm 2010

BÁO CÁO
Kết quả hậu kiểm về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm
Tháng:.....năm 2010

Kính gửi:.....
.....

I. Công tác chỉ đạo của địa phương về triển khai hậu kiểm: (nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra hậu kiểm tại cơ sở thực phẩm:

- Việc tổ chức các đoàn hậu kiểm (nêu cụ thể số lượng đoàn, thành phần)
- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả hậu kiểm

Stt	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số cơ sở được hậu kiểm	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				
2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống				
	Tổng số: (1+2+3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

Stt	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số cơ sở được hậu kiểm
1	Tổng số cơ sở được hậu kiểm		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý:		
	Trong đó:		
	3.1. Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
	3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		

*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo		
	Số loại tài liệu quảng cáo có bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

Stt	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được hậu kiểm	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quy định về quảng cáo thực phẩm			
7	Vi phạm khác: (ghi rõ).....			
			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm

Stt	Nội dung	Số mẫu được kiểm nghiệm	Số mẫu đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Kết quả kiểm nghiệm lý hóa			
2	Kết quả kiểm nghiệm vi sinh			
	Tổng số:			

3. Nhận xét, đánh giá:

III. Nhận xét, đánh giá về công tác quản lý: (nêu cụ thể những điểm mạnh, yếu, những tồn tại, bất cập trong quản lý).

IV. Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

CHI CỤC TRƯỞNG

<p>Cán bộ lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>Trưởng Đoàn kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>....., ngày...../...../2010</p>	<p>TEM NIÊM PHONG MẪU</p> <p>Tên sản phẩm</p> <p>Mã số mẫu</p>	<p>Đại diện cơ sở được lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>....., ngày...../...../2010</p>
--	---	---

<p>Cán bộ lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>Trưởng Đoàn kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>....., ngày...../...../2010</p>	<p>TEM NIÊM PHONG MẪU</p> <p>Tên sản phẩm</p> <p>Mã số mẫu</p>	<p>Đại diện cơ sở được lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>....., ngày...../...../2010</p>
--	---	---

<p>Cán bộ lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>Trưởng Đoàn kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>....., ngày...../...../2010</p>	<p>TEM NIÊM PHONG MẪU</p> <p>Tên sản phẩm</p> <p>Mã số mẫu</p>	<p>Đại diện cơ sở được lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>....., ngày...../...../2010</p>
--	---	---

SỞ Y TẾ HẬU GIANG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BBLM

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số:.....

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Họ tên người lấy mẫu:.....

Chức vụ:..... Đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hậu Giang

4. Phương pháp lấy mẫu:.....

5. Đại diện cơ sở được lấy mẫu:.....

Chức vụ:..... Cơ sở:.....

Mẫu gồm 03 phần (01 phần để kiểm nghiệm; 01 phần để lưu tại cơ quan kiểm tra; 01 phần để lưu tại cơ sở được kiểm tra).

Stt	Tên mẫu, ký hiệu, số lô, ngày sản xuất, hạn dùng, đơn vị đóng gói nhỏ nhất	Tên cơ sở và địa chỉ ghi trên nhãn	Lượng mẫu	Quy cách niêm phong mẫu	Mã số mẫu	Ghi chú

6. Tình trạng mẫu:.....

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, Đoàn kiểm tra giữ 02 bản, cơ sở được kiểm tra giữ 01 bản./.

Đại diện cơ sở được lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ HẬU GIANG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BBBGM

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU

Đoàn kiểm tra:.....
(Bên giao mẫu)
Đại diện là:.....
Cơ quan kiểm nghiệm:.....
(Bên nhận mẫu)
Đại diện là:.....

Hôm nay, tại..... Đại diện (bên giao mẫu) và Đại diện (bên nhận mẫu) tiến hành bàn giao mẫu và các yêu cầu kiểm nghiệm, cụ thể như sau:

Stt	Tên mẫu, ký hiệu, số lô, ngày sản xuất, hạn dùng, mã số mẫu	Tên cơ sở và địa chỉ ghi trên nhãn	Quy cách niêm phong mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm	Căn cứ đánh giá

Ghi chú:

Tài liệu kèm theo:.....

Đại diện đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ quan kiểm nghiệm
(Ký, ghi rõ họ tên)